

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09 -11- 2021.

*“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thanh.
2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về *“tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Hồ Thanh C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 18, ấp 4, xã Ba S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Văn Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ HKTT: Ấp 4, xã Tân N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: tổ 9, ấp 4, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt: chị C, vắng mặt: anh Đ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Hồ Thanh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Đ kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/4/2014.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã Tân N, huyện Cao Lãnh, sau đó chuyển về ở đậu nhà người anh chồng tại ấp 4, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh để đi làm. Vợ chồng chung sống không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, anh Đ đuổi chị C đi nên từ năm 2014, chị C về nhà mẹ ruột tại xã Ba S sinh sống. Vợ chồng không còn sống chung và cũng không còn liên lạc với nhau, không thể hàn gắn tình cảm để tiếp tục sống chung. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể hòa hợp, nay chị C yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Chị C và anh Đ có 01 con chung tên Lê Thị Bích P, sinh ngày 15/02/2014. Hiện con chung đang sống chung với anh Đ, chị C đồng ý để anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ vắng mặt tại phiên họp và không có văn bản thể hiện ý kiến với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị C và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Lê Văn Đ có địa chỉ tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn là anh Lê Văn Đ, căn cứ vào nội dung xác nhận nơi cư trú của Công an xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do chị C cung cấp có nội dung: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1989 có sinh sống tại tổ 9, ấp 4, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn Đ. Tuy nhiên, anh Đ từ chối nhận văn bản tố tụng và vắng mặt trong quá trình Tòa án thực hiện các giai đoạn tố tụng và vắng mặt đến lần thứ 2 tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Trần Hồ Thanh C về việc yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị C và anh Đ kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân N, huyện Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị C và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật

công nhận là vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh Đ là do trong cuộc sống vợ chồng, anh Đ thường xuyên dùng những lời lẽ xúc phạm chị, không chăm lo cho gia đình. Năm 2016, khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh Đ đã đuổi chị đi ra khỏi nhà nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống. Trong thời gian này, anh Đ cũng không liên lạc với chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến năm 2019, chị C có đến gặp anh Đ để đề cập đến việc ly hôn nhưng anh Đ không đồng ý và chị và anh Đ cũng không hàn gắn tình cảm và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016. Do thời gian xa nhau đã lâu, chị C xác định không còn tình cảm với anh Đ, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại tình cảm để tiếp tục chung sống nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Đ.

Đối với anh Đ, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ từ chối nhận văn bản của Tòa án và không đến Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của anh gửi đến Tòa án. Điều này thể hiện, anh Đ mặc dù biết Tòa án đang thụ lý, giải quyết yêu cầu của chị C nhưng anh Đ không thiện chí đến Tòa án để trình bày ý kiến, hoặc thể hiện ý chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chị C tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình. Do đó, căn cứ vào lời trình bày của chị C, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị C với anh Đ đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và chị C yêu cầu ly hôn với anh Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị C.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh Đ có 01 con chung tên Lê Thị Bích P, sinh ngày 15/02/2014. Hiện con chung đang sống chung với anh Đ, chị C đồng ý để anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu Lê Thị Bích P đang sống cùng với anh Đ và chị C cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và chị C đồng ý để anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của chị C là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sống hiện nay của cháu Lê Thị Bích P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Lê Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Hồ Thanh C. Chị Trần Hồ Thanh C được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

- Về con chung: Chị C và anh Đ có 01 con chung tên Lê Thị Bích P, sinh ngày 15/02/2014. Hiện con chung đang sống chung với anh Đ. anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Bích P, sinh ngày 15/02/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Hồ Thanh C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015428 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Chị Trần Hồ Thanh C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đường sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Mỹ Như

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hải - Nguyễn Đình Đoan Hùng

Phạm Mỹ Như

